

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 348/2022/DS-ST.  
Ngày: 02 - 6 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Sơn.

2. Ông Phạm Văn Chính.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 574/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường 8, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Đức T, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường 8, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 1172/2020/UQ-TTT ngày 28/9/2020).

*2. Bị đơn:* Bà Trần Thị Tuyết T (vắng mặt).

Địa chỉ: 30/13D ấp N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 28/9/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 19/5/2011 bà Trần Thị Tuyết T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng. Lãi suất được tính trên từng lần giao dịch phát sinh theo từng ngày và lãi suất Ngân hàng Thương mại cổ phần S áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ngoài ra, bà T phải chịu các khoản phí theo quy định của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Trần Thị Tuyết T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 107.392.961 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Trần Thị Tuyết T đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S bao gồm vốn, lãi, phí là 117.369.322 đồng. Sau đó, bà T không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nhiều lần nhắc nhở. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ nên ngày 26/9/2014 Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Tuyết T phải có nghĩa vụ trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số nợ còn thiếu tính đến ngày 02/6/2022 là 41.319.272 đồng, trong đó vốn gốc là 10.285.079 đồng, lãi quá hạn là 31.034.192 đồng. Yêu cầu bà T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kể từ ngày 03/6/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để nguyên đơn, bị đơn hòa giải nhưng chỉ có đại diện nguyên đơn ông Trần Đức T có mặt theo triệu tập của Tòa án, bị đơn bà Trần Thị Tuyết T vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Trần Thị Tuyết T là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết và tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà Trần Thị Tuyết T vắng mặt không lý do và đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Đại diện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số nợ còn thiếu tính đến ngày 02/6/2022 là 41.319.271 đồng, trong đó vốn gốc là 10.285.079 đồng, lãi quá hạn là 31.034.192 đồng; đồng thời yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/5/2011 từ ngày 03/6/2022 cho đến khi bà T trả hết nợ.

[3.1] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 19/5/2019 bà T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng cho bà T với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân.

Bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 107.292.961 đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S bao gồm vốn, lãi, phí là 117.369.322 đồng. Sau đó, bà T không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Tính đến ngày 02/6/2022 bà T còn nợ lại Ngân hàng số tiền là 41.319.271 đồng, trong đó vốn gốc là 10.285.079 đồng, lãi quá hạn là 31.034.192 đồng.

Xét thấy bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn nhưng không trả số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 474 Bộ Luật dân sự năm 2005. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc cho nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Nguyên đơn, bị đơn có thỏa thuận lãi suất tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn là 31.034.192 đồng tính đến ngày 02/6/2022; đồng thời nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng trên từ ngày 03/6/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi là phù hợp với quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không tham gia các buổi làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đã từ bỏ quyền trình bày, cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[5] Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng yêu cầu của phía nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, lãi quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Ý kiến này của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S: Buộc bà Trần Thị Tuyết T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ là 41.319.271 đồng (bốn mươi một triệu, ba trăm mười chín nghìn, hai trăm bảy mươi một) đồng, trong đó nợ gốc là 10.285.079 (mười triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi chín) đồng, tiền lãi quá hạn là 31.034.192 (ba mươi một triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, một trăm chín mươi hai) đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/6/2022) cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Tuyết T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 19/5/2011, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Tuyết T phải chịu 2.065.964 (hai triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm sáu mươi bốn) đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 843.095 (tám trăm bốn mươi ba nghìn không trăm chín mươi lăm) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0076660 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Phụng**